

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LÊ VĂN TUYÊN

DI CƯ QUỐC TẾ CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU
TỪ 1993 ĐẾN 2019

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.1

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

HÀ NỘI - 2025

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Bùi Hồng Hạnh

Phản biện: PGS.TS. Bùi Nhật Quang

Hội đồng Lý luận Trung Ương

Phản biện: PGS.TS. Phạm Quốc Thành

Trường Đại học Thái Bình

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh

Học viện Ngoại giao Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp ĐHQG chấm luận án tiến sĩ
hợp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
vào hồi giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Luận án

Di cư từ lâu đã trở thành mối quan tâm của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Sự di chuyển của người dân, nguồn vốn, hàng hóa hoặc thông tin trong phạm vi lãnh thổ hoặc vượt qua biên giới quốc gia ngày càng gia tăng và trở nên khó quản lý, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế. Mặc dù di cư quốc tế góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế cũng lực lượng lao động tại nhiều quốc gia trên thế giới nhưng cũng đi kèm với những tác động tiêu cực. Nhận thức được vai trò của di cư, các nước ngày càng quan tâm đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người di cư, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc. Nằm trong khu vực đón nhận lượng người di cư quốc tế lớn nhất trên thế giới, các quốc gia châu Âu đã phát triển hệ thống chính sách về di cư trong nhiều năm qua.

EU thành lập năm 1993 cùng với đó là Hiệp ước đi lại tự do của công dân các nước EU (Shengen) đã tạo điều kiện cho người sinh sống ở châu Âu có thể tự do di chuyển. Hiệp ước này cũng quy định các công dân nước ngoài chỉ cần có visa của một trong các nước thành viên trên là có thể đi lại trong toàn bộ khu vực Shengen. Có thể nói Hiệp ước Shengen thúc đẩy các luồng di cư nội khối giữa các nước thành viên EU và luồng di cư ngoại khối từ các quốc gia khác đến EU. Tuy nhiên, khi lượng người di cư tới châu Âu vượt quá khả năng bảo đảm tiếp nhận của các nước trong khu vực thì sẽ gây ra nhiều bất ổn trong khu vực. Khủng hoảng kinh tế - xã hội, chiến tranh, thảm họa thiên nhiên, biến đổi khí hậu là động lực chính khiến người dân các khu vực khác tìm đến châu Âu nhiều hơn. Trong bối cảnh nền kinh tế còn khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp cao, lại vừa trải qua cuộc khủng hoảng nợ công, vấn nạn người nhập cư tạo thêm gánh nặng cho châu Âu về mọi mặt.

Nhiều học giả trong và ngoài nước đã quan tâm nghiên cứu nhằm làm rõ nguyên nhân, bản chất, tác động của vấn đề di cư ở EU. Nhiều giải pháp đã gợi ý triển khai nhằm tận dụng nguồn nhân lực từ người di cư, đồng thời giảm thiểu được các hệ quả có thể phát sinh. Tuy vậy, thực trạng vấn đề di cư ở châu Âu vẫn diễn biến phức tạp và tiềm ẩn những nguy cơ khủng hoảng tái diễn. Ngoài ra, thông tin về vấn đề di cư ở châu Âu là chưa đầy đủ và phân tán ở nhiều tài liệu khác nhau, điều này phần nào gây khó khăn cho người đọc trong quá trình nghiên cứu quan hệ quốc tế. Trong khi đó, số lượng các công trình nghiên cứu về chủ đề di cư quốc tế tại Việt Nam còn chưa nhiều. Do đó, việc nghiên cứu di cư quốc tế ở EU là rất cần thiết, mang cả ý nghĩa lý luận lẫn thực tiễn. Xuất phát từ những lý do trên, tác giả quyết định lựa chọn chủ đề “*Di cư quốc tế của Liên minh châu Âu từ 1993 đến 2019*” làm luận án tiến sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu

Qua nghiên cứu có thể nhận thấy các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp nhiều nội dung liên quan tới những vấn đề di cư quốc tế tại EU. Nội dung liên quan tới những vấn đề lý luận, thực trạng cũng như các giải pháp về vấn đề này đưa ra được các tác giả đề cập một cách khá toàn diện theo nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên còn tồn tại một số vấn đề cụ thể như sau: **(i)** Dù được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nhưng những nội dung về cơ sở lý luận cũng như thực tiễn liên quan tới di cư quốc tế tại EU còn tồn tại nhiều điểm khác biệt. Các quan điểm và nhận định về vấn đề di cư quốc tế không hoàn toàn đồng nhất mà tùy theo tính chất, đặc điểm và mục đích nghiên cứu khác nhau; **(ii)** số lượng các công trình nghiên cứu của học giả trong nước về chủ đề của luận án còn khiêm tốn so với các công trình của

học giả ngoài nước. Phần lớn các học giả trong nước bắt đầu chú trọng nghiên cứu nhiều hơn về vấn đề di cư quốc tế sau khi khủng hoảng di cư tại châu Âu diễn ra từ những năm 2010 và ảnh hưởng tới tình hình thế giới trên nhiều khía cạnh khác nhau; **(iii)** phần lớn các nghiên cứu triển khai phân tích di cư quốc tế tại EU trong những giai đoạn tương đối dài và theo các mốc thời gian khác nhau. Dù cách tiếp cận triển khai này giúp độc giả có cái nhìn tổng thể vấn đề di cư nhưng lại chưa phản ánh hết những thay đổi cụ thể trong một số thời điểm nhất định. Ngoài trừ giai đoạn từ năm 2010 đến 2015 được nhiều học giả trong và ngoài nước tập trung nghiên cứu, các giai đoạn khác thường kéo dài hoặc không thống nhất tùy thuộc vào các thời điểm cụ thể; **(iv)** hầu hết các công trình đề cập tới phản ứng chính sách chung của EU đối với vấn đề di cư quốc tế một cách khái quát, chưa đi sâu tìm hiểu các cơ chế pháp lý mà tổ chức này áp dụng. Hơn nữa, các công trình này thường được triển khai theo các cách tiếp cận khác nhau, chưa làm nổi bật được những điều chỉnh về mặt thể chế của EU như một chủ thể thống nhất ban hành và triển khai các chính sách cụ thể; **(v)** những nghiên cứu về di cư quốc tế tại Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng còn chưa phong phú. Những diễn biến tại khu vực Đông Nam Á cho thấy khu vực cũng chịu tác động ngày càng lớn từ vấn đề di cư quốc tế. Do vậy, nghiên cứu về di cư của EU, qua đó gợi ý nhất định đối với việc hợp tác khu vực của Việt Nam trong vấn đề di cư quốc tế là việc làm cần thiết.

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình trên, luận án sẽ tập trung giải quyết những vấn đề liên tới di cư quốc tế tại EU như sau: **(i)** phân tích những cơ sở lý luận và thực tiễn tác động tới tình hình di cư quốc tế tại EU trong giai đoạn từ 1993 đến 2019; **(ii)** phân tích thực trạng,

nguyên nhân và tác động của di cư quốc tế tại EU trong giai đoạn từ 1993 đến 2015 và từ 2015 đến 2019; **(iii)** trình bày quan điểm và khuôn khổ pháp lý của EU về vấn đề di cư quốc tế; **(iv)** đánh giá thành công, hạn chế và xu hướng chính sách của EU về di cư quốc tế; **(v)** gợi ý nhất định đối với việc hợp tác khu vực của Việt Nam trong vấn đề di cư quốc tế.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu: Luận án được triển khai nhằm làm rõ thực trạng di cư quốc tế của EU, cụ thể là di cư quốc tế vào EU và chính sách của EU đối với vấn đề này trong giai đoạn 1993-2019, từ đó đưa ra một số gợi ý chính sách cho Việt Nam trong hợp tác khu vực về vấn đề di cư quốc tế.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục tiêu nghiên cứu nêu trên, Luận án cần giải quyết các nhiệm vụ như sau:

- Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn vấn đề di cư quốc tế của EU từ năm 1993 đến năm 2019.
- Làm rõ thực trạng, nguyên nhân, tác động của vấn đề di cư đối với EU từ năm 1993 đến năm 2019.
- Phân tích chính sách chung của EU đối với vấn đề di cư quốc tế.
- Đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam với tư cách là thành viên của ASEAN trong hợp tác khu vực về di cư quốc tế nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là di cư quốc tế của EU, trong đó EU được coi là chủ thể thống nhất trong quan hệ quốc tế. Di cư quốc tế của EU theo nghĩa rộng bao gồm: người di cư vào EU, người di cư ra khỏi EU. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của luận án, đối tượng nghiên cứu chủ yếu tập

trung vào người di cư quốc tế vào EU, bởi lẽ đứng từ vị trí của EU thì vấn đề di cư quốc tế chủ yếu là luồng di cư từ bên ngoài, từ các nước không phải là thành viên của khối. Ngoài ra, đây cũng là nhân tố chủ yếu gây ra cuộc khủng hoảng di cư tại EU trong giai đoạn này.

Đặc biệt, Hiệp ước Shengen sau đó đã xóa bỏ đường biên giới giữa các quốc gia, khiến cho vấn đề di cư từ bên ngoài vào EU trở thành vấn đề chung, không thuộc riêng quốc gia thành viên nào. Đây là những vấn đề của EU mà EU với tư cách là một chủ thể thống nhất cần giải quyết, buộc EU phải hình thành chính sách chung. Trong khi đó, các chính sách đối với việc xuất cảnh (emigration), lại thuộc thẩm quyền riêng của mỗi thành viên EU.

Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, luận án nghiên cứu luồng di cư vào EU, không tập trung nghiên cứu về một quốc gia thành viên riêng rẽ nào.

Về thời gian, luận án nghiên cứu vấn đề di cư vào EU trong khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 2019. Mốc năm 1993 là năm EU được thành lập, đánh dấu sự khởi đầu hợp tác chặt chẽ hơn giữa các quốc gia thành viên trong các lĩnh vực chính sách khác nhau, bao gồm cả vấn đề di cư. Năm 2019 là năm bản lề trước khi Ủy ban châu Âu ký kết một Hiệp ước mới về Di cư và Tị nạn nhằm cải cách các chính sách di cư và tị nạn của EU. Hiệp ước nhằm đạt được sự quyết tâm chính trị và đoàn kết giữa các quốc gia thành viên EU, hệ thống hóa các thủ tục tị nạn, tăng cường quản lý biên giới và tăng cường hợp tác với các nước thứ ba về các vấn đề di cư. Năm 2019 cũng là dấu mốc quan trọng của tình hình thế giới nói chung khi ngay sau đó Đại dịch Covid-19 bùng phát, gây ra thay đổi lớn đối với toàn cầu, trong đó bao gồm vấn đề di cư quốc tế.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được triển khai trên cơ sở áp dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu như sau:

Phương pháp phân tích - tổng hợp các văn bản chính sách, báo cáo, nghiên cứu học thuật, dữ liệu của EU để mô tả và giải thích thực trạng, nguyên nhân, tác động của di cư quốc tế của EU.

Phương pháp lô gích lịch sử được áp dụng để khái quát thực trạng di cư quốc tế của châu Âu, từ đó rút ra những đặc điểm của di cư quốc tế trong thời kỳ này.

Phương pháp so sánh giúp làm rõ thực trạng di cư của EU qua các giai đoạn khác nhau.

Phương pháp nghiên cứu chính sách nhằm đánh giá hiệu quả của các biện pháp chính sách mà EU áp dụng để kiểm soát dòng người di cư từ bên ngoài cũng như di cư giữa các nước thành viên trong khối. Phương pháp này giúp tác giả trong việc xây dựng bố cục và triển khai phân tích các nội dung của luận án một cách hệ thống và lô gích.

6. Đóng góp của luận án

Về mặt khoa học, luận án góp phần làm rõ thực trạng cũng như quan điểm, chính sách của EU về vấn đề di cư quốc tế tại khu vực trong giai đoạn 1993-2019, nhằm đưa ra những luận cứ khoa học cần thiết, làm cơ sở đề xuất hàm ý chính sách cho Việt Nam trong hợp tác về vấn đề di cư quốc tế ở khu vực Đông Nam Á.

Về mặt thực tiễn, luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo hữu ích cho các cán bộ đối ngoại, các nhà nghiên cứu, giáo viên và sinh viên theo học chuyên ngành quan hệ quốc tế tại các cơ sở đào tạo đại học tại Việt Nam. Lượng thông tin được tổng hợp và phân tích trong luận án

tương đối phong phú, làm cơ sở để bạn đọc có thể kế thừa và phát triển sâu sắc hơn nữa trong các công trình nghiên cứu của mình

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được chia ra làm 4 chương với nội dung chính như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu. Tại chương này, tác giả trình bày sơ bộ về kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan tới đối tượng nghiên cứu của luận án.

Chương 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn di cư quốc tế của EU (1993-2019). Chương này trình bày những khái niệm, quan điểm của EU về vấn đề di cư quốc tế và tình hình di cư quốc tế tại EU giai đoạn trước năm 1993.

Chương 3. Thực trạng di cư quốc tế của EU (1993-2019). Tác giả phân tích thực trạng di cư quốc tế tại EU qua các giai đoạn lịch sử, nguyên nhân và tác động, qua đó làm rõ những biến đổi của tình hình.

Chương 4. Chính sách đối với vấn đề di cư quốc tế của EU (1993-2019). Tác giả đi sâu phân tích những chính sách cụ thể của EU đối với tình hình di cư quốc tế tại khu vực đã được làm rõ tại chương 3. Từ đó đưa ra những nhận xét về chính sách của EU và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong hợp tác khu vực về vấn đề này

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu về di cư quốc tế

Các công trình được khảo cứu bao gồm các cuốn sách, luận án tiến sỹ, các bài báo khoa học của các học giả trong và ngoài nước về các nội dung liên quan tới luận án như cơ sở lý luận của di cư quốc tế, thực trạng di cư quốc tế trước năm 1993, thực trạng di cư quốc tế trong giai đoạn từ 1993 đến 2019, chính sách của EU về di cư quốc tế.

Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu của các học giả nước ngoài bao gồm: Cuốn *“Forced Migration and Global Politics”* (Di cư cưỡng bức và Chính trị quốc tế) của Alexander Betts năm 2009 tại Nxb. Wiley-Blackwell; Luận án tiến sỹ *“Migration "crisis" in Europe: An overview of the influx of refugees and migrants”* (Cuộc khủng hoảng di cư ở châu Âu: Tổng quan về người di cư và tị nạn) của tác giả Kamil Nadarzyński (2016) tại trường Đại học Iceland; Cuốn sách *Postwar: A History of Europe Since 1945 (Hậu chiến tranh: Lịch sử Châu Âu từ năm 1945)* của Tony Judt, xuất bản năm 2006 tại Nxb. Penguin Books; cuốn *“Migrations in a Global Context: Transitions and Transformations Emerging from International Human Mobility”* (Di cư trong bối cảnh toàn cầu: những dịch chuyển và biến đổi từ di cư quốc tế) của tác giả Claire H. Firth và Aitor Ibarrola-Armendariz (2007); bài viết *“Institutional and Policy Dynamics of EU Migration Law”* đăng trên Tạp chí quốc tế về luật tị nạn của tác giả Georgia Papagianni (2007).

Trong khi đó, các học giả trong nước cũng công bố một số nghiên cứu tiêu biểu như: bài viết *“Những nguyên nhân cơ bản và điều kiện chủ yếu thúc đẩy di cư quốc tế”* của tác giả Nghiêm Tuấn Hùng được xuất bản vào năm 2012 tại Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn;

bài viết “*Nhập cư ở Liên minh châu Âu: Vấn đề và thách thức*” của tác giả Đặng Minh Đức đăng trên tạp chí Nghiên cứu châu Âu (2007); cuốn “*Khủng hoảng di cư ở Liên minh châu Âu, điều chỉnh chính sách và những tác động*” của tác giả Đỗ Tá Khánh & Đinh Mạnh Tuấn (Nxb Khoa học Xã hội, 2019); báo cáo “*Tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài*” của Cục lãnh sự - Bộ Ngoại giao (2011).

1.2. Nhận xét

Qua nghiên cứu nội dung của các công trình nghiên cứu trên, có thể nhận thấy các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp nhiều nội dung liên quan tới những vấn đề di cư quốc tế tại EU. Nội dung liên quan tới những vấn đề lý luận, thực trạng cũng như các giải pháp về vấn đề này đưa ra được các tác giả đề cập một cách khá toàn diện theo nhiều góc độ khác nhau. Đây là những nguồn tài liệu quan trọng giúp tác giả có thể kế thừa và triển khai Luận án “*Di cư quốc tế của Liên minh châu Âu từ 1993 đến 2019*”. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên còn tồn tại một số vấn đề mà qua đó tác giả có thể tiếp tục phát triển và thể hiện trong nội dung của luận án của mình.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN DI CƯ QUỐC TẾ CỦA EU (1993-2019)

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Các khái niệm cơ bản

Di cư quốc tế (International migration) và Người di cư (Migrant): Di cư là thuật ngữ được sử dụng nhằm đề cập tới hành động được thực hiện bởi các cá nhân, nhằm rời khỏi nơi cư trú, di chuyển từ một đơn vị lãnh thổ này tới một đơn vị lãnh thổ khác để thiết lập nơi cư trú mới trong một không gian, thời gian nhất định. Do đó, di cư có thể được thực hiện ở cả

phạm vi bên trong lẫn bên ngoài một quốc gia. Di cư quốc tế có thể được chia thành hai loại hình chủ yếu bao gồm: di cư tự nguyện (voluntary migration) và di cư cưỡng bức (forced migration).

Chủ quyền quốc gia: Trong nghiên cứu Quan hệ Quốc tế, chủ quyền quốc gia là một trong những khái niệm cốt lõi của chính trị quốc tế, gắn liền với sự xuất hiện của nhà nước và thường được hiểu là “quyền được hoàn toàn định đoạt công việc xây dựng, thực hiện chính sách quốc gia và quyền không bị can thiệp bởi các quốc gia bên ngoài”. Tuy nhiên trên thực tế, chủ quyền quốc gia thường gặp phải nhiều thách thức do sự biến đổi của tình hình thế giới. Thậm chí trong một số trường hợp, nó không được tôn trọng một cách tuyệt đối. Trên thực tế, không ít lần các nước lớn, nhất là Mỹ can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác với danh nghĩa nhân đạo hoặc trách nhiệm bảo vệ (responsibility to protect). Bên cạnh đó, trong những thập kỷ gần đây, dưới tác động của hội nhập quốc tế và quá trình toàn toàn cầu hóa, chính phủ của các quốc gia dần phải thích ứng với những chuẩn mực chung và hy sinh một phần chủ quyền để đáp ứng những điều kiện trở thành thành viên của các tổ chức quốc tế.

Quyền con người: Quyền con người hay nhân quyền là thuật ngữ được sử dụng để ám chỉ những quyền tự nhiên của con người và không bị tước bỏ bởi bất cứ ai và bất cứ chính thể nào. Tuy nhiên, giữa các quốc gia còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm quyền con người bởi sự khác biệt giữa các nền văn hóa, bản sắc khiến cho khái niệm quyền con người vẫn chưa đạt được sự phổ quát trong thực tế.

2.1.2. Các định nghĩa của EU liên quan đến di cư quốc tế

Các quan điểm, khái niệm của EU về di cư quốc tế cũng có những điểm tương đồng cơ bản với các khái niệm chung của những tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc như UNHCR và IOM hay luật pháp quốc tế nói chung.

Một số khái niệm quan trọng về di cư quốc tế được thể hiện qua các thuật ngữ tiêu biểu như di cư, người di cư, nhập cư, xuất cư, người di cư ngắn hạn, người di cư dài hạn, công dân nước thứ ba, người nước ngoài, người lánh nạn, người tị nạn. Tuy nhiên, EU có đi sâu vào việc cụ thể hóa các khái niệm, đồng thời làm rõ sự khác biệt giữa những công dân của các nước EU và những người tới từ các quốc gia nằm ngoài tổ chức này. Điều này không chỉ cung cấp những cách hiểu cụ thể, rõ ràng hơn mà còn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cả giới nghiên cứu lẫn hoạch định chính sách trong việc tiếp cận vấn đề di cư quốc tế. Đặc biệt là trong việc xác định cụ thể từng đối tượng và có những chính sách hợp lý, phù hợp để cân bằng giữa việc duy trì sự ổn định của các nước thành viên EU và thực hiện những cam kết quốc tế của EU đối với các điều khoản về bảo vệ nhân quyền, quản lý di cư và trách nhiệm đối với người tị nạn.

2.1.3. Các quan điểm của lý thuyết quan hệ quốc tế về di cư quốc tế

Chủ nghĩa Hiện thực: Các quốc gia đều có tư lợi và quan tâm đến lợi ích tương đối nên mọi hành động, chính sách của họ luôn theo đuổi mục tiêu đảm bảo, gia tăng an ninh của bản thân. Trong đó, vấn đề di cư quốc tế sẽ được nhìn nhận như một công cụ của mỗi quan tâm rộng lớn hơn của các quốc gia nhằm tăng cường quyền lực.

Chủ nghĩa Tự do: Với bản chất của di cư quốc tế là một vấn đề liên quan tới nhiều hơn một quốc gia, vấn đề này thu hút nhiều sự chú ý và đặt ra nhiều câu hỏi đối với các quốc gia trên phương diện hợp tác song phương và đa phương.

Chủ nghĩa Kiến tạo: Các cấu trúc xã hội, bao gồm niềm tin và chuẩn mực chung, đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình các chính sách di cư của một quốc gia. Chính sách của một quốc gia đối với người tị nạn và người di cư không chỉ đơn thuần là sản phẩm của những cân nhắc

về lợi ích chính trị hoặc kinh tế mà còn phản ánh bản sắc chung và kinh nghiệm lịch sử của quốc gia đó.

Chủ nghĩa Chức năng: Di cư quốc tế là một chức năng của hệ thống xã hội được tạo nên dựa trên mối quan hệ giữa các quốc gia và do đó, có mối liên hệ sâu sắc với các quá trình và cấu trúc xã hội khác.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Tình hình di cư trên thế giới

Trong giai đoạn đầu của Thế kỷ XX, với sự mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc ra phạm vi toàn cầu, thì châu Âu là một trong những trung tâm của vấn đề di cư quốc tế với những làn sóng di cư từ các quốc gia phương Tây tới định cư tại khắp mọi vùng thuộc địa trên thế giới, ở phía tây là châu Mỹ và các thuộc địa châu Á tại phía đông. Kể từ khi trật tự quốc tế dựa trên luật lệ được thiết lập kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai cho tới nay, xuất hiện ngày càng nhiều các trung tâm kinh tế thu hút các làn sóng di cư quốc tế ở nhiều khu vực trên thế giới. Mặc dù còn tồn tại nhiều yếu tố thúc đẩy khác như sự ổn định về chính trị, văn hóa, các nhu cầu về an ninh nhưng động cơ kinh tế là yếu tố có vai trò đáng kể đối với xu thế di cư quốc tế.

2.2.2. Di cư quốc tế vào EU trước năm 1993

Di cư quốc tế tại EU trước năm 1993 là vấn đề đã có lịch sử lâu đời, đồng thời do nhu cầu phát triển kinh tế và sự hợp tác quốc tế giữa các quốc gia sau khi kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ 2 nên nhu cầu tiếp nhận nhập cư là tất yếu. Đây là những cơ sở thực tiễn để EU trong những năm tiếp theo tiếp tục nhất thể hoá chính sách đối với di cư quốc tế.

2.2.3. Những biến động của EU (1993-2019)

Giai đoạn 1993-2019 là một thời kỳ đầy biến động, mở rộng, thách thức và củng cố cho Liên minh châu Âu (EU). Qua hơn hai thập kỷ này, EU trải qua những thay đổi lớn lao về chính trị, kinh tế, an ninh-quốc phòng.

Chương 3. THỰC TRẠNG DI CƯ QUỐC TẾ CỦA EU (1993-2019)

3.1. Thực trạng di cư quốc tế của EU qua các giai đoạn

3.1.1. Giai đoạn 1993-2015

Sau khi Liên Xô sụp đổ, châu Âu chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng số lượng di cư cả nội khối và di cư từ bên ngoài vào khu vực. Bước sang thế kỷ XXI, những biến động của tình hình thế giới khiến di cư quốc tế ở EU trở nên phức tạp, gây áp lực không đều lên các nước thành viên. Từ năm 2010, khủng hoảng di dân tại châu Âu là tâm điểm của các vận động chính trị toàn cầu. Trong khi nhiều nền kinh tế trong khu vực đang gặp nhiều thách thức thì những hệ lụy từ làn sóng di cư từ bên ngoài vào khiến tình hình càng trở nên ảm đạm.

3.1.2. Giai đoạn 2016-2019

Sau cuộc khủng hoảng di cư ở EU, dòng người di cư từ bên ngoài tới EU có xu hướng giảm so với giai đoạn trước nhưng vẫn ở mức cao hơn so với di cư nội khối. Nhiều nước châu Âu có cách tiếp cận cứng rắn hơn trong việc xử lý các trường hợp di cư từ bên ngoài châu lục. Giai đoạn năm 2018-2019, tỉ lệ người chết trong hành trình băng qua biển Địa Trung Hải giảm rõ rệt.

3.2. Nguyên nhân

Tùy vào từng giai đoạn mà nguyên nhân xảy ra tình trạng di cư quốc tế của EU lại khác nhau, tập trung chủ yếu là: chế độ cộng sản tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Trung và Đông Âu sụp đổ tạo ra những bất ổn chính trị tại nhiều quốc gia thành viên; hậu quả của các cuộc chiến tranh tại khu vực này, tiêu biểu là nạn diệt chủng tại Rwanda. sự thay đổi

chính sách ở các nước chủ nhà châu Âu; các yêu cầu thị thực và kiểm soát biên giới nghiêm ngặt hơn từ phía Hoa Kỳ sau sự kiện khủng bố từ ngày 11 tháng 9 năm 2001 cũng khiến dòng người di dân từ châu Mỹ La tinh chuyển hướng tới châu Âu nhiều hơn.

Đặc biệt trong cuộc khủng hoảng di cư tại châu Âu từ năm 2010-2015, với nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ: *Nguyên nhân thứ nhất* là khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội và tình trạng chiến tranh, xung đột kéo dài trong phong trào Mùa xuân Ả rập tại các nước Trung Đông-Bắc Phi; *Nguyên nhân thứ hai* là do người di cư không đảm bảo cuộc sống tại các nước láng giềng; *Nguyên nhân thứ ba* là do tình trạng lãnh đạo yếu kém, vi phạm nhân quyền tại các nước trong khu vực; *Nguyên nhân thứ tư* xuất phát từ sự cạnh tranh chiến lược của các nước lớn trong và ngoài khu vực; *Nguyên nhân cuối cùng* là do các nước châu Âu chưa có chính sách thống nhất về giải quyết người nhập cư.

Trong giai đoạn 2016-2019, số lượng di cư quốc tế tới châu Âu giảm xuống rõ rệt so với giai đoạn trước do các lý do: *Thứ nhất*, việc giảm người nhập cư vào EU kể từ năm 2016 một phần nhờ vào sự phối hợp của cộng đồng quốc tế nhằm giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của di cư, đồng thời thúc đẩy hòa bình, ổn định và phát triển ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột, nghèo đói và bất an; *Thứ hai*, những nỗ lực phát triển một chính sách di cư chung và thỏa thuận EU-Thổ Nhĩ Kỳ là những nhân tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả xử lý vấn đề di dân tại khu vực; *Thứ ba*, để đối phó với tình trạng quá tải về khả năng tiếp nhận người di cư quốc tế, các nước thành viên EU đã tăng cường hơn nữa các biện pháp quản lý đường biên giới. *Thứ tư*, trong khi một số nền kinh tế châu Âu

tiếp tục suy thoái thì tình hình tại các quốc gia khởi nguồn của dòng người di cư tới khu vực này trở nên ổn định hơn

3.3. Tác động đến EU

3.3.1. Tác động tích cực

Trước hết, việc gia tăng số lượng người nhập cư từ các nước thuộc Liên Xô cũ kể từ sau những năm 1990 là điều kiện thuận lợi cho tiến trình mở rộng của EU về phía Đông xét trên khía cạnh chính trị và nhân khẩu học. *Thứ hai*, về kinh tế, dòng người di cư là nguồn bổ sung lao động cần thiết cho các quốc gia thành viên EU. *Thứ ba*, tác động từ suy thoái kinh tế toàn cầu và di cư quốc tế chất xúc tác làm gia tăng sự gắn kết nội khối EU khi các chính phủ hợp tác tìm cách giải quyết tình trạng thất nghiệp và bất bình đẳng xã hội gia tăng. *Thứ tư*, những hệ lụy từ di cư quốc tế ở EU thúc đẩy các nước thành viên trong khối rà soát và điều chỉnh chính sách cho phù hợp.

3.3.2. Tác động tiêu cực

Bên cạnh những lợi ích từ di cư quốc tế mang lại, EU cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn xét trên các khía cạnh khác nhau. *Thứ nhất*, thách thức đi kèm với vấn đề nhập cư là phản ứng chính sách khác nhau của các nước thuộc Tây Bắc Âu, Nam Âu, Trung và Đông Âu. *Thứ hai*, trong khi người nhập cư mang lại sự đa dạng văn hóa gia tăng cho châu Âu, họ cũng gây ra một số thách thức về mặt xã hội. *Thứ ba*, cuộc khủng hoảng nhập cư làm dấy lên những lo ngại về an ninh, đặc biệt là liên quan đến các phần tử khủng bố trong dân số di cư. *Thứ tư*, thay đổi về dòng người nhập cư tới châu Âu cũng tác động tới kinh tế khu vực, cả trong ngắn hạn và dài hạn. Điều này trước hết được biểu hiện qua đóng góp cho tăng trưởng kinh tế.

Chương 4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ DI CƯ QUỐC TẾ CỦA EU (1993-2019)

4.1. Cơ sở pháp lý cho chính sách của EU đối với vấn đề di cư quốc tế (1993 - 2019)

4.1.1. Những giá trị mang tính phổ quát về nhân quyền

4.1.1.1. *Quyền con người của người di cư và tị nạn:* Người tị nạn và người di cư là các chủ thể có quyền và vì vậy được hưởng các quyền con người và tự do cơ bản, phổ quát như mọi cá nhân khác, bất kể tình trạng pháp lý của họ.

4.1.1.2. *Bảo vệ người tị nạn:* Luật quốc tế dành sự bảo vệ kép cho người tị nạn và người xin tị nạn, trong đó, nếu người di cư được hưởng sự bảo vệ chung từ các Công ước về nhân quyền mang tính phổ quát, thì họ cũng được hưởng thêm các biện pháp bảo vệ bổ sung được ghi nhận trong nhiều công cụ pháp lý quốc tế

4.1.1.3. *Quản lý biên giới:* Nhiều công ước quốc tế điều chỉnh hành vi của các quốc gia trong lĩnh vực kiểm soát biên giới, đặc biệt khi liên quan đến việc cứu người trên biển. Không chỉ là nghĩa vụ về mặt đạo đức, cứu giúp người gặp nạn trên biển là nghĩa vụ pháp lý.

4.1.2. Những cam kết của EU về người tị nạn và bảo vệ biên giới

4.1.2.1. *Công ước Châu Âu về Bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản:* Có hiệu lực kể từ năm 1953, Công ước Châu Âu về Bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản (ECHR) là công ước đầu tiên ở cấp độ khu vực về bảo vệ quyền con người

4.1.2.2. *Hiến chương về các Quyền Cơ bản của EU:* Là văn kiện đầu tiên quy định các quyền tự do cơ bản được bảo vệ ở cấp EU, Hiến chương về các Quyền Cơ bản của Liên minh châu Âu được công bố tại Nice tháng

12/2000 và trở thành một quy định mang tính ràng buộc pháp lý khi Hiệp ước Lisbon có hiệu lực năm 2009.

4.2. Tiến trình nhất thể hóa vấn đề di cư trong khuôn khổ pháp lý và thể chế của EU

4.2.1. Hiệp ước Masstrictch

Hiệp ước được ký năm 1992 và có hiệu lực từ năm 1993, dẫn đến ba thay đổi chính, đó là sự ra đời của EU, đồng tiền chung châu Âu, và cấu trúc ba trụ cột của EU được thành lập.

4.2.2. Hiệp ước Amsterdam

Hiệp ước Amsterdam được ký năm 1997 và có hiệu lực vào năm 1999 được coi là Hiệp ước gia tăng quyền lực cho Liên minh và tạo dựng vị thế vững chắc hơn cho Nghị viện châu Âu, tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên, và áp dụng cải cách thể chế nhằm chuẩn bị cho quá trình mở rộng thành viên của EU.

4.2.3. Hiệp ước Nice năm 2001

Hiệp ước Nice tập trung cải cách thể chế ra quyết định để tránh trì trệ khi số lượng thành viên gia tăng.

4.2.4. Hiệp ước Lisbon 2007

Một bước ngoặt đáng chú ý liên quan đến nỗ lực nhằm nhất thể hoá chính sách nhập cư, tị nạn và quản lý biên giới của EU diễn ra sau khi Hiệp ước Lisbon có hiệu lực vào tháng 12/2009.

4.3. Chính sách và chương trình chung của EU đối với di cư quốc tế (1993 - 2019)

4.3.1. Kế hoạch Vienna năm 1998 và Chương trình Tempere (1999 - 2004)

Ngày 7/12/1998, Hội đồng châu Âu đã thông qua Kế hoạch hành động Vienna nhằm hiện thực hoá các điều khoản của Hiệp ước Amsterdam thiết lập AFSJ.

4.3.2. Chương trình La Hay (Giai đoạn 2004 - 2009)

Chương trình La Hay (Hague Programme) là sự khởi đầu của giai đoạn thứ hai trong quá trình xây dựng hệ thống tị nạn chung của châu Âu và là chương trình 5 năm lần thứ hai trong quá trình hướng tới xây dựng AFSJ.

4.3.3. Chương trình Stockholm (Giai đoạn 2010 - 2014)

Vào tháng 12/2009, Hội đồng Châu Âu thông qua chương trình chính sách mới cho giai đoạn 2010 - 2014, Chương trình Stockholm, với tiêu đề “Một châu Âu cởi mở và an toàn phục vụ và bảo vệ người dân.” Chương trình Stockholm nhằm mục đích cân bằng các mối quan ngại về an ninh của EU với việc đảm bảo tôn trọng các quyền và tự do cơ bản. Chương trình nhấn mạnh sự cần thiết phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận hợp pháp lãnh thổ của các quốc gia thành viên, đồng thời thực hiện các biện pháp chống nhập cư bất hợp pháp và tội phạm xuyên biên giới và duy trì mức độ an ninh cao.

4.3.4. Chương trình “Hành động vì một châu Âu an toàn và cởi mở” (Giai đoạn 2015 - 2019)

Với khoảng hơn 430,000 đơn xin tị nạn vào năm 2013 và tăng lên con số 627,000 vào năm 2014, các nhà lãnh đạo EU cũng thống nhất thông qua chương trình 5 năm mới trong việc hướng tới mục tiêu AFSJ với tên gọi “Hành động vì một châu Âu an toàn và cởi mở” vào tháng 6/2014, trong đó bao gồm kế hoạch với tầm nhìn linh hoạt, tập trung vào chính sách di cư và tị nạn. Chương trình này được hoan nghênh, đặc biệt là từ phía Đông EU, khi chính phủ của các quốc gia thành viên khu vực này đang tỏ ra quan ngại về tình trạng di cư từ Đông sang Tây.

4.4. Nhận xét về chính sách di cư quốc tế của EU (1993-2019)

4.4.1. Về sự chuyển biến chính sách di cư quốc tế của EU

4.4.1.1. Định hình cách tiếp cận chung trong giải quyết vấn đề di cư quốc tế: EU bắt đầu nhận thức rõ hơn tính xuyên quốc gia và tính liên quan giúp di cư/tị nạn giữa các quốc gia thành viên. Tuy nhiên lúc đó chưa có một cách tiếp cận đồng bộ, mỗi nước thành viên thường hành xử riêng về tiếp nhận, biên giới, tị nạn. Giai đoạn tiếp theo chứng kiến một quá trình từng bước định hình cách tiếp cận chung (common approach) - tức là luật lệ, thể chế, trách nhiệm được chia sẻ nhằm đối phó tốt hơn các luồng di cư, khủng hoảng và cân bằng giữa kiểm soát và nhân đạo. Tuy nhiên, dù có sự thống nhất trong cách tiếp cận giải quyết những vấn đề liên quan tới di cư quốc tế, EU vẫn gặp phải một số thách thức.

4.4.1.2. Cải thiện năng lực thể chế trong kiểm soát vấn đề di cư: EU liên tục tái cấu trúc hệ thống các cơ quan chuyên trách nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý di cư toàn diện hơn. Tuy nhiên, dù việc mở rộng và tập trung hóa năng lực thể chế đã giúp EU quản lý di cư hiệu quả hơn, nhưng nó cũng bộc lộ một loạt hạn chế mang tính cơ cấu.

4.4.1.3. Mở rộng chương trình nghị sự về di cư quốc tế: EU dần mở rộng chương trình nghị sự về di cư quốc tế, không chỉ kiểm soát biên giới và xử lý tị nạn, mà còn tích hợp di cư hợp pháp, hội nhập người nhập cư, hợp tác quốc tế, chia sẻ trách nhiệm, và định hình các cơ chế tài chính hỗ trợ.

4.4.2. Về chính sách di cư quốc tế gắn với đối ngoại của EU

Trong giai đoạn từ 1993 đến 2019, EU không chỉ xem di cư là một vấn đề nội tại mà còn coi di cư như một công cụ đối ngoại quan trọng. EU sử dụng di cư để thúc đẩy hợp tác quốc tế, điều tiết quan hệ với các nước

nguồn và trung chuyên, đề đàm phán trong các hiệp định kinh tế, viện trợ phát triển và trao đổi chính trị.

4.4.3. Xu hướng chính sách của EU

Thứ nhất, xu hướng củng cố năng lực thể chế, hành pháp cho các cơ quan cấp Liên minh; Thứ hai, xu hướng điều chỉnh khung pháp lý chung theo hướng thực chất hơn; Thứ ba, xu hướng nổi bật trong chính sách di cư của EU trong thời gian tới là sự chuyển dịch từ mô hình thiên về kiểm soát các khu vực ngoại vi sang hợp tác cân bằng, mang tính phát triển và nhân đạo hơn.

4.5. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam trong hợp tác khu vực về di cư quốc tế

4.5.1. Những vấn đề đặt ra đối với Đông Nam Á trong quản lý di cư

Qua phân tích về thực trạng xu hướng di cư và danh mục người di cư tại khu vực Đông Nam Á cho thấy khu vực đang ngày càng phải đối mặt với người dòng di cư nội khối phức tạp, với nhiều nguyên nhân và tác động khác nhau.

4.5.2. Hợp tác ASEAN trong vấn đề di cư quốc tế

Trong những năm gần đây, ASEAN đã đạt tiến bộ trong việc phát triển các sáng kiến khu vực và áp dụng các thực tiễn tốt nhất toàn cầu cũng như tăng cường ý chí và năng lực thực tế để theo đuổi và thực thi nhiều hợp tác dựa trên hiệp ước hơn giữa các Quốc gia thành viên. Tuy nhiên những thách thức và mối quan ngại này đặt ra vấn đề mà ASEAN cần hướng tới để cải thiện cách tiếp cận vấn đề di cư của khu vực, trong đó nhấn mạnh hơn việc thảo luận về các phương thức hợp tác, phối hợp chia sẻ gánh nặng chung.

4.5.3. Một số khuyến nghị đối với Việt Nam trong việc thúc đẩy vai trò của ASEAN

Trong thời gian tới, Việt Nam có thể cùng ASEAN tập trung vào một số khía cạnh như sau: Chính sách lấy con người là trung tâm; Thúc đẩy hợp tác khu vực đặc biệt trong việc xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu chung cũng như hợp tác chia sẻ gánh nặng (burden-sharing) trong ứng phó với vấn đề di cư khu vực

Để có thể thúc đẩy, nâng cao vai trò của ASEAN trong việc định hình những khuôn khổ cách tiếp cận chung và hướng đến chính sách thống nhất về vấn đề di cư trong khu vực, Việt Nam có thể tập trung vào một số hướng giải pháp: Việt Nam cần khuyến khích các nước thành viên khác trong ASEAN hỗ trợ và thực hiện toàn diện các cam kết kể trên, đặc biệt là Hiệp ước Toàn cầu về Di cư. Đề xuất các sáng kiến nhằm tăng cường hợp tác, chia sẻ thông tin, xây dựng và hài hòa hóa hệ thống pháp luật nhằm thúc đẩy hội nhập khu vực hướng tới tìm ra những giải pháp cho vấn đề di cư, đồng thời tăng cường tổ chức và tham gia các hội thảo khu vực, quốc tế, trao đổi kinh nghiệm với các nước, các tổ chức quốc tế, khu vực khác về quản lý lao động nước ngoài, nhằm chia sẻ rộng rãi thông tin về hoạt động cũng như kinh nghiệm của diễn đàn, sáng kiến của các quốc gia khác nhau.

KẾT LUẬN

Di cư đã và đang tồn tại như một chủ đề nóng trong các cuộc tranh luận về cả góc độ lý thuyết và những cân nhắc chính sách đối với hầu hết các quốc gia trên toàn thế giới do những tác động thuận - nghịch mà vấn đề này đặt ra, đặc biệt là trong trường hợp của EU.

Trước hết, ở góc độ lý thuyết và thực tiễn cho thấy, di cư đang dần được các nhà nghiên cứu trong quan hệ quốc tế xem xét là một trong những vấn đề toàn cầu. Dù chưa phải là trọng tâm nghiên cứu chính, đồng thời cũng chưa có một mảng lý thuyết chuyên biệt nào để phân tích vấn đề di cư, nhưng một số luận điểm, giả định của các trường phái lý thuyết chính trong quan hệ quốc tế như chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và kiến tạo đã đưa ra một số gợi ý để nhắm đến phân tích những nguyên nhân, thực trạng và nhìn nhận tác động của vấn đề di cư qua các góc độ khác nhau. Động lực chính thôi thúc người dân di cư từ quốc gia này sang quốc gia khác thường được cho là liên quan đến yếu tố bất bình đẳng về thu nhập giữa các quốc gia. Mặc dù đây có thể được coi là động lực kinh tế mạnh mẽ của di cư, nhưng nguyên nhân dẫn đến thực trạng và tác động của vấn đề di cư quốc tế còn xuất phát từ nhiều khía cạnh khác và có liên quan chặt chẽ và chịu nhiều tác động từ các đặc điểm cơ bản của chính trị toàn cầu, đặc biệt là ảnh hưởng của các yếu tố như bất ổn chính trị, chiến tranh - xung đột, cũng như tác động từ vấn đề môi trường tới sinh kế của người dân ở những quốc gia gốc.

Xem xét trường hợp của EU từ góc độ nêu trên có thể thấy nhóm các quốc gia gốc cũng như động cơ thúc đẩy các dòng người di cư tới EU trong khung thời gian nghiên cứu có xu hướng ngày càng đa dạng. Nếu như những lo ngại về sự bất ổn chính trị sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc,

cũng như việc Liên Xô sụp đổ là động cơ của các dòng người di cư từ Đông sang Tây Âu trong thập niên 90 thì những người tìm đến châu Âu vì mục đích kinh tế, lao động hay du học ngày càng nhiều kể từ đầu thập niên 2000 với việc EU đón nhận các dòng di cư từ các quốc gia thành viên mới gia nhập, cũng như từ các quốc gia ở khu vực Trung và Nam Âu. Di cư quốc tế cũng là một phần quan trọng trong mối quan hệ giữa các nước EU với các quốc gia và khu vực lân cận như Trung Đông, Bắc Phi và các nước ở vùng Sừng châu Phi. Tựu trung lại, vấn đề di cư đã và đang trở thành một phần trong đời sống chính trị ở châu Âu, tác động theo cả góc độ tích cực và tiêu cực đối với đời sống kinh tế, chính trị - xã hội của khu vực. Đây cũng là tâm điểm trong các cuộc tranh luận trong nội bộ EU khi nhiều quốc gia thành viên coi vấn đề di cư là có tác động tích cực, một số quốc gia khác lại xem xét theo góc độ tiêu cực, coi đó là gánh nặng đối với quốc gia mình.

Trước áp lực đặt ra, EU - với tư cách là một tổ chức khu vực, đã có những nỗ lực ứng phó với những áp lực, hệ lụy từ vấn đề di cư quốc tế ngày một gia tăng. Những nỗ lực này có thể được nhìn nhận qua việc có những điều chỉnh về mặt thể chế nhằm gia tăng năng lực của EU đối với vấn đề di cư, cũng như cách thức thiết lập và phát triển khuôn khổ chính sách và hành động chung của EU. Dễ nhận thấy, chính sách của EU có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các biện pháp kiểm soát biên giới bên ngoài và ít tập trung vào các vấn đề tiếp nhận người nhập cư cũng như hội nhập người nhập cư vào xã hội EU - vốn được nhấn mạnh thông qua các Chương trình hành động như Tampere, La Hay hay Stockholm. Bên cạnh đó, các cuộc tranh luận trong nội bộ EU về vấn đề di cư xuất phát từ những áp lực của cuộc khủng hoảng người tị nạn kể từ đầu những năm 2010 -

2019. Các cuộc khủng hoảng người tị nạn này cho thấy EU cần phải có nỗ lực lớn hơn nhiều để đảm bảo an ninh biên giới của các quốc gia thành viên trước những gì được coi là “dòng chảy không thể kiểm soát” và các mối đe dọa về mặt an ninh. Theo đó, dù đã đạt được những bước phát triển trong tiến trình nhất thể hoá chính sách về di cư, kiểm soát biên giới và tị nạn ở cấp độ liên minh, EU vẫn còn gặp nhiều hạn chế do mỗi quốc gia thành viên đều theo đuổi những lợi ích riêng, thiếu vắng sự chia sẻ trong những giai đoạn khủng hoảng, và chưa mang tính “toàn cầu” và “toàn diện” như những gì mà EU mong muốn hướng tới. Những vấn đề liên quan tới di cư quốc tế mà EU cần giải quyết là không nhỏ, đòi hỏi sự nỗ lực và quyết tâm chính trị cao của các quốc gia thành viên.

Những tác động mang tính xuyên biên giới mà vấn đề di cư quốc tế đặt ra không chỉ riêng EU đang phải đối mặt, mà còn là bài toán khó đối với khu vực Đông Nam khi xu hướng di cư và danh mục người di cư tại khu vực đang ngày càng phải đối mặt với hành lang di cư phức tạp và đòi hỏi những nỗ lực chung của ASEAN. Theo đó, những gợi ý chính sách đối với Việt Nam trong thúc đẩy hợp tác khu vực về vấn đề di cư quốc tế có thể được nhìn nhận từ những nghiên cứu về EU.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Văn Tuyên, Bùi Hồng Hạnh (2019), “Hệ quả cuộc khủng hoảng di cư đối với châu Âu và bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, (7), tr 15-23.
2. Lê Văn Tuyên (2019), “Khủng hoảng di cư vào Mỹ và châu Âu: Một số nguyên nhân và giải pháp”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, (7), tr 40-46.
3. Le Van Tuyen, Bui Thanh Nam, Bui Hong Hanh (2021), “The European Union International Migration and Its Implications for ASEAN Countries”, *International Journal of Arts, Humanities & Social Science*. Vol 2 (7), pp. 115-119.
4. Hong Hanh Bui, Tuyen Le Van (2021), "The Immigration Crisis in Europe and the Impacts on the Covid-19 Global Control", *International Journal of Arts, Humanities & Social Science*. Vol. 2 (1), pp. 14-19.